TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2023/DS-ST Ngày 10 ngày 8 năm 2023 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Tổ

Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ông Đinh Dũng S, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lò Văn B, sinh năm 1982 và bà Vì Thị M(tên gọi khác Lò Thị B). Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – ông Đinh Dũng S trình bày:

Vợ chồng ông có đầu tư cho vợ chồng ông Lò Văn B và vợ là Vì Thị M, trú tại Bản N, xã P để lấy tiền mua phân bón, giống, thuốc trừ sâu và một số đồ dùng phục vụ cho sinh hoạt gia đình và sản xuất nông nghiệp. Hai bên nhiều lần tiến hành chốt nợ thể hiện tại các giấy vay tiền ngày 20/11/2013, ngày 20/12/2014 và ngày 20/12/2016. Theo giấy chốt nợ cuối cùng, vợ chồng ông Lò Văn B còn nợ ông bà số tiền là 95.500.000VNĐ. Theo thỏa thuận, vợ chồng ông B sẽ thanh toán đủ cho ông số tiền còn nợ vào ngày 30/11/2017.

Tuy nhiên, từ thời điểm đó đến nay, ông B vẫn chưa thanh toán cho ông số tiền còn nợ theo thỏa thuận. Mặc dù đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông B đều khất nợ, không có động thái thanh toán tiền cho ông. Vì vậy, ông khởi kiện đề nghị ông Lò Văn B và vợ là Vì Thị M(Lò Thị B) phải có trách nhiệm thanh toán cho số tiền vay là 95.500.000VNĐ theo giấy vay tiền đề ngày 20/12/2016 và tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 30/11/2017 theo đến nay theo lãi xuất quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị vợ chồng ông Lò Văn B và bà M(B) thanh toán số tiền nợ gốc là 95.500.000VNĐ theo giấy vay tiền đề ngày 20/12/2016 và không đề nghị tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nhung trình bày:

Bà là vợ của ông Đinh Dũng S. Toàn bộ sự việc như ông S trình bày là đúng sự thật, các khoản cho vay vợ chồng bà có sổ sách đầy đủ, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Lò Văn B và bà Vì Thị M(Lò Thị B) phải có trách nhiệm thanh toán cho số tiền vay là 95.500.000VNĐ theo giấy vay tiền đề ngày 20/12/2016, không yêu cầu tính lãi phát sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng vợ chồng ông B không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không gửi văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện mặc dù đã biết việc khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiến hành xác minh, lấy lời khai nhưng bị đơn không hợp tác. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 463, 464, 465, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, Điều 227, 244, 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Dũng S. Buộc bị đơn ông Lò Văn B và bà Vì Thị M(Lò Thị B) phải thanh toán cho ông Đinh Dũng S số tiền nợ gốc là 95.500.000VNĐ. Đình chỉ đối với phần yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Việm kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Đinh Dũng S khởi kiện yêu cầu ông Lò Văn B và vợ là Vì Thị M(Lò Thị B) phải thanh toán số tiền vay theo giấy vay tiền ngày 20/12/2016 nên Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đinh Dũng S cho rằng nguồn gốc của số tiền cho vay là tài sản chung của ông S và vợ là Nguyên Thị Nhung. Do đó Tòa án xác định bà Nguyễn Thị Nhung là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên trong vụ án.

Các tài liệu nguyên đơn cung cấp thể hiện, vợ của ông Lò Văn B tên là Vì Thị Mày. Tuy nhiên, trên giấy vay tiền ngày 20/11/2013 và ngày 20/12/2014 vợ ông B ký với tên là Lò Thị B; tại giấy vay tiền ngày 20/12/2016 vợ ông B ký với tên là Vì Thị Mày. Nguyên đơn cho rằng vợ ông B có 02 tên là Vì Thị Mvà Lò Thị B (theo phong tục của người dân tộc, vợ đi lấy chồng lấy họ tên theo chồng). Tại Biên bản bản làm việc ngày 26/6/2023, Công an xã Phiêng Pằn xác định vợ của ông Lò Văn B là Lò Thị B, tên gọi Vì Thị Mlà tên thường gọi. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn Vì Thị Mcó tên gọi khác là Lò Thị B.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị hoãn phiên tòa nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả tiền nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp bản gốc các giấy vay tiền giấy vay tiền ngày 20/11/2013, ngày 20/12/2014 và ngày 20/12/2016 đều có chữ ký xác nhận của ông Lò Văn B và vợ. Theo giấy biên nhận vay tiền cuối cùng thể hiện vợ chồng ông Lò Văn B còn nợ số tiền 95.500.000VNĐ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập. Khi Tòa án tiến hành phối hợp với chính quyền địa phương để thu thập chứng cứ làm việc với bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác, cố ý trốn tránh nghĩa vụ. Mặc dù đã được thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án nhưng ông B và vợ không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cố ý vi phạm nghĩa vụ của đương sự. Theo giấy vay tiền ngày 20/12/2016 có nội dung vợ chồng ông B có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền nợ vào ngày 30/11/2017. Khoản nợ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, số tiền vay được sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch vay tài sản giữa ông Đinh Dũng S và ông Lò Văn B, bà Vì Thị M(Lò Thị B) thể hiện tại giấy vay tiền đề ngày 20/12/2016 là có thật, nội dung của giao dịch là hợp pháp, do đó cần được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Việc bị đơn không thanh toán tiền nợ là vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông B và bà M(B) phải thanh toán số tiền 95.500.000VNĐ.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị thanh toán lãi chậm trả. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cần được đình chỉ.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn được Toà án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận nhưng được miễn án phí do là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 464, 465, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, Điều 227, 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Dũng S. Buộc bị đơn ông Lò Văn B và bà Vì Thị M(Lò Thị B) phải thanh toán cho ông Đinh Dũng S và bà Nguyễn Thị Nhung số tiền nợ gốc là 95.500.000VNĐ (Chín mươi năm triệu năm trăm nghìn đồng) theo giấy vay tiền ngày 20/12/2016.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (ông Đinh Dũng S) cho đến khi thi hành án xong, ông Lò Văn B và bà Vì Thị M(Lò Thị B) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc chậm trả do nguyên đơn rút yêu cầu.

3. Về án phí: Nguyên đơn ông Đinh Dũng S được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị đơn ông Lò Văn B và bà Vì Thị M(Lò Thị B) được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nông Văn Thịnh

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 09 tháng 8 năm 2023.

Tại: Phòng nghị án - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Tổ ; ông Hà Văn Sơ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 58/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ông Đinh Dũng S, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lò Văn B. Sinh năm 1975. Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng các Điều 357, 463, 464, 465, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, Điều 227, 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Việc giải quyết vụ án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Dũng S. Buộc bị đơn ông Lò Văn B phải thanh toán cho ông Đinh Dũng S và bà Nguyễn Thị Nhung số tiền nợ gốc là 95.500.000VNĐ (Một trăm linh năm triệu đồng). Ghi nhận việc rút yêu cầu tính lãi của nguyên đơn tại phiên tòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (ông Đinh Dũng S) cho đến khi thi hành án xong, ông Lò Văn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. 2. Về án phí: Nguyên đơn ông Đinh Dũng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 50 phút, ngày 09 tháng 8 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN –**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA